

Phẩm thứ mười một: TỊNH HẠNH
(Đi vào quyển thứ 14 trong kinh).

Giải thích một phẩm này, có năm môn phân biệt:

A- Ý ĐƯA RA: Nói đến mong muốn bước lên phần vị tuyệt diệu thì nhất định phải có hạnh thù thắng giúp đỡ, bởi vì có Giải mà không có Hạnh thì chỉ uống phí Đa văn, cho nên phẩm trước trình bày về Giải (hiểu biết), phẩm này phân rõ về Hạnh (công hạnh). Lại phẩm trước trình bày về thực hành quán sát tiến vào Lý, phẩm này phân rõ về những pháp thực hành tùy theo Sự. Lại phẩm trước là Hạnh, phẩm này là Nguyễn, đều là nghĩa theo thứ tự, cho nên tiếp theo đưa ra.

B- GIẢI THÍCH TÊN GỌI: Tiếng Phạm nói là Cự-chiết-la, Trung Hoa nói là Sở Hành; tiếng Phạm nói là Ba-lợi, Trung Hoa nói là Giai-là Biến; tiếng Phạm nói là Thú-luân-luật-đề, Trung Hoa nói là Thanh Tịnh. Nghĩa là ba nghiệp tùy theo Sự trải qua duyên gọi là Nguyễn khéo léo đã thực hành phòng ngừa sai trái lìa xa lỗi lầm mà thành tựu phẩm đức, gọi là thanh tịnh. Lại Bi-Trí cùng vận dụng gọi là Sở Hành, công hạnh vượt lên trên phạm phu-Tiểu thừa cho nên gọi là thanh tịnh. Bởi vì Nhị thừa vô lậu, không thể nào bao gồm lợi ích, không phải là Chân Tịnh. Đạt được ý này, thì đưa chân lên-đặt chân xuống đều là tâm Văn Thù, thấy nghe hiểu biết đều là hạnh Phổ Hiền. Tâm Văn Thù vốn là tâm không có cấu trước tạp loạn, cho nên nói là thanh tịnh. Hạnh Phổ Hiền vốn là công hạnh tu tập xưa kia của Phật, giống như những công hạnh của chư Phật Bồ-tát. Những công hạnh tức là thanh tịnh, là Trì nghiệp thích.

C- TÔNG THỨ: Dùng Nguyễn khéo léo tùy theo Sự phòng ngừa tâm không phân tán, làm tăng trưởng Đại Hạnh Bi-Trí của Bồ-tát là Tông; thành tựu Thật đức của Phổ Hiền là Thứ.

D- GIẢI TRỪ TRỞ NGẠI: Hỏi: Trong văn chỉ phân rõ về hơn một trăm Nguyễn, đâu có nói đến Hạnh? Đáp: Trong văn phân rõ về Hạnh tóm lược có mấy lớp, nghĩa là ngay trong sự việc đã trải qua, bắt đầu từ xuất gia-cuối cùng ở ngũ thức, đều là Hạnh thuộc về Sự. Nhận biết về tánh Không của gia đình, là Hạnh thuộc về Lý. Tiếp xúc với cảnh mà không mê lầm, khéo léo thông hiểu về Sự-Lý, là Hạnh thuộc về Trí. Dùng Nguyễn dẫn dắt Trí không đắm vào Tự lợi, là Hạnh thuộc về Đại Bi. Hai loại nói trên không hai, là Hạnh thuộc về Bi-Trí vô ngại. Gặp cảnh thuận-nghịch mà tâm không rong ruổi phân tán, là Hạnh thuộc về Chỉ. Trí không chìm đắm, là Hạnh thuộc về Quán. Ngay nơi

Chỉ-Quán, là Hạnh cùng vận hành.

Vả lại, đối với cảnh thuộc về Sự, khéo léo hiểu rõ về Tà-Chánh, nên nguyện cho chúng sinh, đều là Giả quán; nhận biết thân là rỗng lặng, tâm không có gì nhiễm trước, là Không quán; thấy rõ Lý đúng như thật, là Trung quán; hoặc là trước Không-sau Trung, hoặc là trước Giả-sau Không, hoặc là một-hoặc là hai, hoặc là một niệm lập tức đầy đủ. Đây là Hạnh thuộc về Quán khéo léo thông hiểu ba Đế.

Lại nữa, do tạo tác mà thành tựu Hạnh đều bố thí cho chúng sinh, không khởi tâm của Nhị thừa; an nhẫn trong hai cảnh cứng rắn-mềm mỏng chỉ tăng thêm phẩm thiện, tâm không khác với duyên mà khéo léo thông hiểu về tánh Không; phương tiện khéo léo xoay chuyển, đều nguyện làm lợi ích cho chúng sinh, cùng hưởng đến Bồ-đề; Nhị thừa-Thiên ma vốn không thể nào làm cho lay động; khéo léo nhận biết về vị thuốc-căn bệnh quyết đoán không có gì sai sót. Chính là Hạnh thuộc về mười Độ cùng tu.

Lại nữa, đều là nguyện làm lợi ích chúng sinh, đều thành tựu đức của Phật, thấy điều ác cần phải khiến cho điều ác ấy đoạn trừ, thấy điều thiện cần phải khiến cho điều thiện ấy đầy đủ, tức là Hạnh thuộc về bốn thế nguyện rộng lớn. Vì vậy, Trí Thủ tổng quát nêu ra các đức, bởi vì mong cầu nhân ấy; Văn Thù khiến cho khéo léo dụng tâm thì nhanh chóng đạt được các quả, nhưng nói chỉ mong (Duy nguyện) lẽ nào không cảm hay sao?

Lại có người hỏi rằng: Nói đến Diệu hạnh, thì tất cả chỉ là Vô niệm; nay thấy thiện-thấy ác mong lìa xa-mong thành tựu, làm cho thân-tâm mệt mỏi, lẽ nào đó là đạo hay sao? Đáp: Nếu thấy điều này, thì lìa xa Niệm mà cầu mong Vô niệm, hãy còn chưa đạt được Vô niệm chân thật, huống hồ Niệm-Vô niệm vô ngại. Vả lại, Vô niệm chỉ là một phần của Hạnh, lẽ nào thành tựu một Niệm nhanh chóng đầy đủ, như trên đã trình bày hay sao? Mong người thực hành tu học khéo léo lưu tâm!

E- TRONG PHẦN GIẢI THÍCH VĂN, có hai: Trước là Trí Thủ thưa hỏi, nêu ra đức để chứng minh về nhân; sau là Văn Thù giải đáp, nêu ra đức để hiển bày về nhân.

Nay phần trước là Trí Thủ thưa hỏi, cũng có hai: Một: Nêu ra người thưa hỏi-giải đáp; Hai: Trình bày thưa hỏi về những điều nghi ngờ.

Phần một, hai vị Bồ-tát này làm người thưa hỏi và giải đáp, là Nguyên khéo léo trải qua Sự thì chắc chắn Trí là dẫn dắt, cho nên Sự gần mà ý nghĩa xa, vốn chỉ là Diệu Đức. Văn Thù là Bát-nhã quán

Không, Trí Thủ là phương tiện trải qua Sự. Trải qua Sự nhưng không mê lầm đối với Lý, cho nên tuy Nguyện mà không giữ lấy gì; quán Không nhưng không bỏ sót đối với Sự, cho nên tuy Tịch mà không chứng đắc. Đó là Quyền-Thật đan xen với nhau, dựa vào đó để thưa hỏi và giải đáp.

Trong phần hai, trình bày về những điều thưa hỏi, có hai mươi Vân hà (vì sao), tổng quát làm thành mười một đoạn, mỗi đoạn đều có mười câu, thành ra có một trăm mười loại đức: 1- Trình bày về ba nghiệp lìa xa lỗi lầm mà thành tựu đức; 2- Đạt được pháp khí có thể truyền bá; 3- Thành tựu về các Tuệ; 4- Đầy đủ nhân duyên của đạo; 5- Phương tiện khéo léo đối với pháp; 6- Tu tập về nhân Niết-bàn; 7- Đầy đủ hạnh Bồ-tát; 8- Đạt được trí Thập Lực; 9- Mười vị vua cung kính bảo vệ; 10- Có thể làm nhiều lợi ích; 11- Tôn quý thù thắng vượt lên trên.

Trong mười một đoạn này, nếu dựa vào tướng hiển bày thì: Đoạn 2-4 và 6, ba đoạn này chỉ là nhân; đoạn 8 và 11, hai đoạn này chỉ là quả; còn lại đều bao gồm nhân-quả.

Hoặc thâm nhiếp làm thành bốn cặp về nhân quả: Một: Hai mươi câu đầu hỏi về nhân của Phước-quả của Phước, trước là nhân-sau là quả. Hai: Hai mươi câu tiếp hỏi về nhân của Tuệ-quả của Tuệ, trước là quả-sau là nhân. Ba: Hai mươi câu tiếp hỏi về nhân của khéo léo hiểu biết và quả của thực hành quán sát. Bốn: Có năm đoạn, hỏi về nhân của các hành và quả của đức thành tựu, một đoạn đầu là nhân, bốn đoạn còn lại là quả.

Hoặc phân làm hai: Đầu là mười Vân hà, thưa hỏi về Thể của hành thanh tịnh, là hỏi về nghĩa của nhân. Sau là mười Vân hà, thưa hỏi về hành đã thành tựu, là hỏi về nghĩa của quả. Bởi vì khéo léo tu tập về bảy Giác chi..., cũng là công năng của hành thanh tịnh, cho nên đều nói Vân hà đắc (vì sao đạt được), là tu hạnh gì mà đạt được điều ấy? Mười mục đầu hướng về sau cho nên nói là nhân, hướng về Nguyện khéo léo trải qua duyên mà thành tựu Thể của hành thanh tịnh, tức là đối với quả chưa phải là quả tròn vẹn, mà là quả thuộc một phần, cho nên trước đây tổng quát nói là nêu ra đức để chứng minh về nhân.

Nay phân làm hai: Một đoạn đầu là tổng quát thưa hỏi về quả ấy; mười đoạn sau là riêng biệt trình bày.

Đoạn đầu, mười câu đạt được mười loại thuộc ba nghiệp này, thành tựu mười quả sau: Bởi vì ba nghiệp không có sai lầm, cho nên tôn quý thù thắng vượt lên trên. Bởi vì không nóng giận làm hại, cho nên

thường làm nhiều lợi ích. Bởi vì không còn phiền não sót lại, không thể nào chê trách, cho nên mười vị vua cung kính bảo vệ. Bởi vì duyên xấu ác không thể phá hoại, cho nên đạt được mười Lực của Phật. Bởi vì tu hành không thối chuyển, cho nên đầy đủ hạnh của Bồ-tát. Bởi vì xa lìa các tướng, Như Như bất động, cho nên thành tựu về nhân của Niết-bàn. Bởi vì đức hành thù thắng, cho nên phương tiện khéo léo đối với pháp. Bởi vì Thể thanh tịnh giống như hư không, cho nên thành tựu đầy đủ duyên của đạo. Bởi vì trải qua cảnh mà không có gì đắm nhiễm, cho nên đạt được pháp khí có thể truyền bá. Bởi vì Trí dẫn đường, cho nên thành tựu về các Tuệ.

Lại nhờ vào mười đoạn sau cho nên có thể thành tựu mười loại này, bởi vì mười loại ba nghiệp vĩnh viễn không có sai lầm..., chỉ riêng Phật là không giống nhau (Bất cộng), từng phần-từng phần không có sai lầm, như nhau nối thông với nhân. Lại mười câu này, một câu đầu là tổng quát hiển bày về không có sai lầm, tám câu tiếp là riêng biệt hiển bày về không có sai lầm, một câu sau cuối là tổng quát nêu ra nhân ấy, nếu dùng Trí tuệ để dẫn đường, thì nghiệp thân-ngữ-ý luôn luôn không có sai lầm. Lại ở trong tám câu: Hai câu trước là lìa xa sai lầm, sáu câu sau là thành tựu về đức. Lại trong chín câu sau: Không tùy theo Sân cho nên không làm hại, không tùy theo Mạn cho nên không thể nào chê trách, không tùy theo Ác kiến cho nên không tổn hoại, không tùy theo Nghi cho nên không lui sụt thay đổi mà luôn luôn tu hạnh thù thắng, không tùy theo Tham cho nên thanh tịnh không hề cấu nhiễm, không tùy theo Si cho nên Trí là pháp dẫn đường, những việc làm phù hợp với Chân. Các nghiệp như thế vì sao mà đạt được?

Trong mười đoạn sau là riêng biệt trình bày: Một: Một đoạn đầu nói về quả Dị thực; Hai: Bốn đoạn tiếp nói về quả Sĩ dụng; Ba: Hai đoạn tiếp nói về quả Ly hệ; Bốn: Một đoạn tiếp nói về quả Tăng thượng; Năm: Hai đoạn sau cuối nói về quả Đẳng lưu.

Một: Một đoạn đầu nói về quả Dị thực, tức là căn khí Tu đạo, bởi vì Bồ-tát lúc phát khởi tu hành cần phải đầy đủ mười pháp này, mới thành tựu hạnh Tự lợi-Lợi.

Trong luận Du Già giải thích đầy đủ: “1- Thường sinh ở trung tâm đất nước, nơi có giáo pháp của Phật; 2- Chủng tộc tôn quý, không phải là hạng hạ tiện; 3- Sinh trong nhà tu thiện có niềm tin hướng về Tam Bảo, không sinh trong nhà của các ngoại đạo; 4- Hình sắc đoan nghiêm, không phải là xấu xí khó coi; 5- Đầy đủ tướng trượng phu, các căn không thiếu sót; 6- Chánh niệm không quên, niệm vốn có cũng hiện rõ

trước mắt; 7- Tuệ tỏ ngộ cao vời sáng suốt, khéo léo hiểu rõ các pháp thế gian; 8- Nhu hòa điều phục tốt lành, lìa xa lỗi lầm tu hành; 9- Chí lực kiên cường cho nên không có gì khiếp nhược; 10- Tánh tự mở mang hiểu biết, không nhiễm pháp thế gian.”

Lại Vô úy, dựa vào luận Trí Độ: “Bồ-tát có bốn loại Vô úy: 1- Vô úy thuộc về Tổng trì, đối với pháp ghi nhớ giữ gìn không sợ quên mất; 2- Vô úy thuộc về nhận biết căn cơ, nhận biết căn cơ để trao cho pháp không sợ sai lầm; 3- Vô úy thuộc về quyết đoán nghi ngờ, tùy theo câu hỏi có thể giải đáp, không sợ mình không có khả năng; 4- Vô úy thuộc về giải đáp chất vấn, có chất vấn đều thông suốt, không sợ nghi ngờ vướng mắc.” Nay đều đạt được cho nên nói là đầy đủ.

Lại mười sự việc này, nếu dựa theo pháp, thì sinh trong nhà của Phật là nơi sinh đầy đủ... Suy nghĩ điều này! Lại đầy đủ, là chỉ riêng một mình Đức Phật...

Hai: Từ “Thập Tuệ...” trở xuống là trong bốn đoạn trình bày về quả Sĩ dụng: 1- Tuệ nghĩa là lựa chọn; 2- Lực nghĩa là tu tập; 3- Thiện xảo nghĩa là Trí; 4- Đạo phẩm giúp cho tu tập, đều dùng ba nghiệp mà được thành tựu.

Nay là đoạn 1: Nói đến Tuệ, tức là Thể của đạo. Trong mười loại: 1- Bởi vì hơn hẳn thế gian; 2- Bởi vì vượt quá Nhị thừa; 3- Bởi vì lựa chọn Quyền giáo; 4- Bởi vì Phật quả vượt lên trên nhân. Bốn loại trên là lựa chọn yếu kém, sau loại còn lại là Đương Thể: 1- Không có phạm vi hạn lượng; 2- Không có số lượng nhiều ít; 3- Vượt lên trên nói năng suy nghĩ; 4- Không có gì sánh được; 5- Khó so sánh; 6- Chỉ tương ứng với Chứng. Muốn nói Tuệ ấy có thì Tuệ không có tướng-không có hình, muốn nói Tuệ ấy không có thì đó là linh hồn của bậc Thánh, muốn nói Tuệ ấy có-không có thì Tuệ không có hai Thể, muốn nói Tuệ ấy không có cả hai thì tất cả đều giải thích rõ ràng, cho nên không thể nào nói được.

Ba: Nói về Lực, tức là đầy đủ nhân duyên của đạo. Điều nói là Lực, bởi vì mười loại này đều có công năng giúp đỡ cho đạo:

1: Lực của Nhân, tức là chủng tánh, nghĩa là đã có tập khí chủng tử không có trái ngược, nghe huân tập hợp với chủng tử của tánh, cho nên gọi là nhân. Lương Nhiếp Luận nói: “Đa văn huân tập hòa hợp với tánh hiểu biết trong Thức A-lại-da, tất cả Thánh nhân lấy đây làm nhân.” Vô Tánh Nhiếp Luận nói: “Huân tập cái nghe này, tuy là hữu lậu mà là tánh của chủng tử thuộc về tâm xuất thế.”

2: Lực của Dục, bởi vì có ham muốn vui thích thù thắng mong mỏi

Đại Bồ-đề, và khởi hạnh.

3: Phương tiện, đó là Lực của tu tập thành tựu, dựa vào sáu phương tiện mà thành tựu Bi-Trí: Một: Từ Bi luôn chú ý không quên; hai: Nhận biết rõ ràng về các hành; ba: Vui mừng với Diệu trí của Phật; bốn: Không rời bỏ sinh tử; năm: Luân hồi không nhiễm trước; sáu: Tinh tiến hừng hực. Trong Nhiếp Luận giải thích rộng.

4: Lực của Duyên, đó là sự khuyến khích phát khởi của thiện hữu.

5: Lực của Sở duyên, tức là cảnh của Bi-Trí đã quán sát.

6: Căn, đó là Tín-Tiến..

7: Quán sát, đó là đối với mình-người mà khéo léo lựa chọn Sự-Lý, vị thuốc-căn bệnh.

8: Xa-ma-tha, Trung Hoa nói là Chỉ.

9: Tỳ-bát-xá-na, Trung Hoa nói là Quán. Các luận như Du Già-Khởi Tín..., các kinh như Giải Thâm Mật-Niết Bàn..., mở rộng phân rõ về tướng ấy, đầy đủ như Chương riêng biệt. Nay sơ lược hiển bày về tướng ấy, dùng làm mười Môn: Môn một-Tâm hành phù hợp với Lý thâm nhiếp tán loạn, gọi là Chỉ. Môn hai-Chỉ không đắm vào vắng lặng, không trở ngại đến Sự thuộc về Quán. Môn ba-Nhờ vào Lý-Sự đan xen thấu suốt mà cần phải hòa hợp, liền khiến cho Chỉ-Quán vô ngại mà cùng vận hành. Môn bốn-Lý và Sự so sánh làm mất lẫn nhau mà đều không còn, Chỉ-Quán cùng mất mà bật dứt nương tựa. Môn năm-Bật dứt cảnh vô ngại của Lý-Sự, cùng với phai mờ tâm vô ngại của Chỉ-Quán, hai mà không hai bởi vì tâm-cảnh không ngăn ngại mà cùng một vị, không hai mà hai bởi vì không hủy hoại một vị mà tâm-cảnh khác nhau. Môn sáu-Bởi vì Sự ngay nơi Lý mà thu nhận tất cả các pháp, Quán ngay nơi Chỉ cũng thấy tất cả. Môn bảy-Bởi vì Sự này tức là Sự kia, do đó khiến cho Chỉ-Quán thấy tâm này tức là tâm kia. Môn tám-Bởi vì trong phần trước, môn sáu là một-nhiều hòa vào nhau mà không phải là một, môn bảy là một-nhiều ngay trong nhau mà không phải là khác, hai môn này không hai mà cùng một pháp giới, Trí của Chỉ-Quán không hai mà lập tức nhìn thấy, tức là hai môn trước cùng một pháp giới mà không có gì phân tán-thay đổi. Môn chín-Bởi vì Sự là Chỉ-Quán trùng trùng vô tận, cũng là Phổ Nhãn cùng soi chiếu. Môn mười-Ngay nơi Trí của Phổ Môn này làm chủ, cho nên lập tức soi chiếu pháp giới Phổ Môn thì chắc chắn thâm nhiếp tất cả làm bạn vô tận cho đến vô tận. Đây là Chỉ-Quán đã mong cầu của Hoa Nghiêm.

10: Tư duy, là suy nghĩ tính toán về việc nên làm-không nên

làm.

Bốn: Phương tiện khéo léo đối với pháp, đều dựa theo lưu chuyển để trình bày về Thể lưu chuyển của bốn đoạn trước đây, ba cõi là nơi chốn lưu chuyển, ba đời là thời gian lưu chuyển. Nghĩa của ba Khoa sơ lược như trước giải thích, mở rộng như Chương riêng biệt. Duyên khởi mở rộng trình bày ở Địa thứ sáu, ba cõi-ba đời như trước-sau giải thích. Đầu nói là phương tiện khéo léo: 1- Khéo léo nhận biết về pháp Không ấy, vốn không hề có; 2- Khéo léo nhận biết về pháp phân biệt không làm hỏng giả danh; 3- Phương tiện khéo léo hòa vào nhau có thể thâm nhiếp vô tận khắp nơi.

Năm: Tu tập về nhân Niết-bàn, bảy Giác-ba Không, nói mở rộng ở phẩm Thập Địa.

Sáu: Đây đủ hạnh Bồ-tát. Hai loại dưới đây là trình bày về quả Ly hệ, đầu là tu tập sáu Độ-bốn Đẳng tức là Sĩ dụng, đầy đủ tức là Ly hệ, bởi vì đối trị các loại che lấp.

Bảy: Đây đủ Thập Lực, đều thấy ở văn trước đây.

Tám: Mười vị vua cung kính bảo vệ, là quả Tăng thượng.

Chín: Từ “Vân hà đắc dữ nhất thiết chúng sinh vi y...” trở xuống là hai đoạn trình bày về quả Đẳng lưu, bởi vì lực của Bốn nguyện là nơi nương tựa-cứu giúp..., bởi vì lực của Bốn hạnh là bậc nhất.. Nay trước là có thể làm nhiều lợi ích, mười câu như nương tựa..., như đầu phẩm Hồi Hưởng.

Mười: Từ “Vi đệ nhất...” trở xuống là tôn quý thù thắng vượt lên trên, như luận Thập Địa giải thích.

Nay dựa vào quả Phật, sơ lược giải thích về tướng ấy, nghĩa là biển công đức của Như Lai tròn đầy, lại không có gì thiếu, cho nên gọi là bậc nhất. Đây cũng là câu tổng quát. Đại là Thể vốn bao gồm pháp giới. Thắng là Tự lợi vốn viên mãn. Tối Thắng là Lợi tha vốn cứu cánh. Diệu là Phiền não chướng vốn không còn. Cực Diệu là Sở tri chướng vốn không còn. Thượng là hưởng xuống dưới vốn không có gì sánh được. Vô Thượng là hưởng lên trên lại vốn không có gì. Vô Đẳng là hưởng xuống dưới vốn không có bằng nhau. Vô Đẳng Đẳng là hưởng về bằng nhau vốn đều là không có bằng nhau. Vì lẽ đó mở rộng nêu ra các đức, là muốn hiển bày về hạnh thù thắng. Trên đây là phần thưa hỏi, xong.

Trong phần sau là Văn Thù giải đáp, văn phân làm hai: Một: Khen ngợi thưa hỏi thành tựu lợi ích. Nhiều ích là lợi ích. An ẩn là an lạc. Lợi lạc tức là hai nghĩa trước. Luận Phật Địa quyển thứ 7 có năm

lớp giải thích, nghĩa của Lợi lạc đã thấy ở phẩm Quang Minh Giác. Hai: Từ “Phật tử...” trở xuống là chính thức giải đáp những câu hỏi ấy, trong đó có hai: 1- Nêu ra nhân thành tựu đức để giải đáp về đức nêu ra ấy; 2- Dựa vào sự việc hiển bày về nhân để giải đáp chứng minh cho nhân ấy.

Nay là phần 1: Trước là nêu ra nhân ấy, nghĩa là khéo léo vận dụng tâm ấy, tâm hiểu rõ về tâm sâu xa của tinh thần sáng suốt, chính là vận đức thu nhận quy về một mối. Nói khéo léo vận dụng, tức là về sau Nguyên khéo léo trải qua duyên, tiếp xúc với cảnh tiến vào sâu xa, đã phân rõ như trên. Sau từ “Tắc hoạch...” trở xuống là hiển bày về đức đã thành tựu: a- Tổng quát; b- Riêng biệt.

a) Tổng quát, nói là tất cả công đức thắng diệu, đều nhờ vào vận dụng một trăm mười môn của tâm, đức nào đủ để chất vấn được. Có thể nói một lời che phủ tất cả. Thắng, nghĩa là một mình tôn quý; Diệu, nghĩa là lìa xa tướng. Lại tất cả các đức đều đầy đủ, nói là Thắng; tất cả chướng ngại đều không còn, gọi là Diệu. Đây là câu tổng quát, cũng chính là giải đáp về câu tổng quát của mười loại thuộc ba nghiệp trước đây.

b) Chín câu còn lại là riêng biệt hiển bày, câu tuy có chín mà nghĩa cũng có mười, như thứ tự giải đáp về đức của mười đoạn trước đây.

Một: Tâm không có gì ngăn ngại đối với pháp của chư Phật, tức là đầu tiên về đức thứ nhất đạt được pháp khí có thể truyền bá, bởi vì Niệm-Tuệ-Giác ngộ đều đầy đủ.

Hai: Trú trong đạo của chư Phật quá khứ-hiện tại và vị lai, tức là trước đây nói thành tựu về các Tuệ, bởi vì chư Phật ba đời chỉ dùng Tuệ của Phật làm nơi nương theo.

Ba: Tùy theo chúng sinh an trú, luôn luôn không rời bỏ, tức là trước đây nói đầy đủ nhân duyên của đạo, phương tiện tùy theo ham muốn vui thích mà thành tựu chủng tánh, bởi vì thường lấy chúng sinh làm sở duyên.

Bốn: Như tướng của các pháp, đều có thể thông đạt, tức là mười nghĩa về phương tiện khéo léo không có gì mê hoặc.

Năm: Đoạn trừ tất cả pháp ác, tức là bảy Giác-ba Không, lựa chọn loại bỏ pháp ác, bởi vì không có gì vượt qua pháp này.

Sáu: Đầy đủ các pháp thiện, tức là sáu Độ-bốn Đẳng.

Bảy: Thích hợp như sắc tượng bậc nhất của Phổ Hiền, vì vậy cho nên được mười vị vua cung kính bảo vệ.

Tám: Tất cả hạnh nguyện đều được đầy đủ, tức là trước đây nói

thành tựu Thập Lực, bởi vì đạt được quả vị Phật mới đầy đủ; bản kinh đời Tấn không có một câu này, mà có câu “Thành tựu Nhất thiết chủng trí của Như Lai.” Đây là mười loại Trí lực, chắc chắn không có gì nghi hoặc. Chỉ riêng một đoạn này hướng về trước không theo thứ tự, bởi vì bên trong đầy đủ Chủng trí-bên ngoài đầy đủ Sắc tướng, hai loại này đều thuộc về quả tròn vẹn, cho nên trước-sau không có, hoặc là người dịch không quay lại.

Chín: Bởi vì tất cả đều tự tại đối với tất cả các pháp, cho nên có thể làm nơi nương tựa-làm nơi cứu giúp-làm ngọn đuốc-làm ánh sáng cho chúng sinh.

Mười: Mà làm bậc Đạo Sư thứ hai cho chúng sinh, tức là văn trước đây nói thù thắng vượt lên trên mọi người. Trước đây mong cầu bậc nhất chỉ riêng một mình Đức Phật, nay vừa mới phát tâm thì đạo đứng sau bậc Chí Tôn, cho nên nói là thứ hai. Nhưng trong bản kinh cũ cũng nói mà làm bậc Đạo Sư thứ nhất cho chúng sinh, vì vậy biết rằng thứ hai là ý của người dịch.

Phần 2: Từ “Phật tử vân hà...” trở xuống là dựa vào sự việc hiển bày về nhân, trong đó có ba: a- Tổng quát nêu ra; b- Riêng biệt hiển bày; c- Tổng quát kết luận về thành tựu lợi ích.

Trong phần b là riêng biệt hiển bày, có năm môn phân biệt:

Một: Tổng quát trình bày về đại ý, trong văn tổng cộng có một trăm bốn mươi một nguyện, Đại nguyện của Bồ-tát sâu rộng như biển, thuận theo như hồi hướng không phải chỉ có như vậy. Ở đây là đại khái nêu ra thể thức, còn lại đều phỏng theo đây. Vả lại, không phải là không có biểu hiện, một trăm là Thập Tín viên dung, mỗi một Tín đều có đủ mười; bốn mươi một tức là bốn mươi một phần vị, trình bày về các phần vị này vốn có Hoặc chướng, dựa vào đây có thể làm thanh tịnh các hạnh thù thắng vốn có, từ đó có thể thực hành.

Hai: Tổng quát hiển bày về ý nghĩa của văn. Nhưng các nguyện này, câu văn tuy có bốn sự việc mà chỉ có ba nghĩa, tách ra làm sáu.

Nói ba nghĩa của sự việc, đó là câu đầu nói về việc làm là chỗ dựa của Nguyện, câu tiếp nói về cảnh là việc làm của Nguyện, hai câu sau là Nguyện và cảnh thành tựu lợi ích.

Tách ra làm sáu: Sự việc đầu có hai loại: Một là bên trong, đó là Căn-Thức... thuộc về tự thân của Bồ-tát, bởi vì kinh nói là Bồ-tát...; hai là bên ngoài, đó là thân của người khác, hoặc là Y báo-Chánh báo, vật dụng cung cấp cho đời sống..., bởi vì kinh nói là Tại gia... Sự việc tiếp theo cũng có hai loại: Một là người chủ động phát nguyện; hai là

nguyện vì chúng sinh, bởi vì kinh nói Nên nguyện cho chúng sinh. Sự việc sau cũng có hai loại: Một là lợi ích cho mình, nhờ vào các nguyện này mà thành tựu các đức trước đây; hai là lợi ích cho người, dựa vào phát nguyện này mà nguyện vì chúng sinh.

Hai câu sau này: Hoặc câu trước là nhân-câu sau là quả, như nói: Những công hạnh không có gì trái ngược, thành tựu Nhất thiết trí... Hoặc hai câu đều là nhân, như nói: Khéo léo hầu hạ Sư trưởng, luyện tập thực hành pháp thiện... Hoặc hai câu đều là quả Phật, như nói: Vĩnh viễn xa lìa phiền não, hoàn toàn vắng lặng... Hoặc hai câu bao gồm nhân quả, như nói: Dùng pháp để tự vui, hiểu rõ kỹ nữ không phải là thật... Hoặc hai câu ba-bốn cùng làm thành một câu, như nói: Diễn thuyết các loại không có pháp nào tranh cãi trái ngược... Cũng có thể trong hai câu sau, câu đầu là pháp đã tiến vào, như nói: Nhận biết gia đình là tánh Không...; câu sau là lợi ích đã thành tựu, như nói: Tránh khỏi bức bách... Bởi vì không nhất định phải đầy đủ cho nên hợp lại làm một.

Ba: Riêng biệt tách ra nghĩa loại. Nhưng trong ba sự việc trên: 1- Việc làm là chỗ dựa của Nguyện, tuy có nhiều loại mà không ra khỏi thiện ác-y chánh-trong-ngoài, tùy nghĩa mà dựa theo. 2- Cảnh là việc làm của Nguyện, mỗi một Nguyện ấy đều bao gồm pháp giới, bởi vì tất cả hữu tình không giống nhau, Quyền-Tiểu nói thì có mà Tạng thì không có. Vả lại, Nguyện tức là Hạnh, mà thành tựu Hồi hướng, mỗi một Nguyện đều thành tựu hành của nghiệp thiện thanh tịnh đã thực hành, như nói: Nhận biết gia đình là tánh Không, thì tâm của Bồ-tát chắc chắn đã đạt đến Không. 3- Trong thành tựu lợi ích về Cảnh là việc làm của Nguyện, là bởi vì nguyện cho người khác thành tựu các loại đức, tự mình đạt được công đức như trước đã nói. Nhưng có hai nghĩa: Một là tổng quát, hai là riêng biệt.

Tổng quát là tùy theo mỗi một Nguyện mà thành tựu các đức trên đây. Đây là ý chính.

Riêng biệt hiển bày, như: 1- Nguyện cho người khác đạt được thân kiên cố, tâm không có gì khuấy phục, thì tự mình chắc chắn thành tựu về đức của mười loại thuộc ba nghiệp lìa xa lỗi lầm mà thành tựu đức. 2- Nguyện cho người khác đầy đủ, thành tựu đầy đủ tất cả pháp thiện, thì tự mình thành tựu pháp khí có thể truyền bá. 3- Nguyện cho người khác tiến sâu vào Kinh Tạng, trí tuệ như biển, thì tự mình thành tựu về các Tuệ. 4- Nguyện cho người khác đầy đủ các phương tiện, đạt được pháp tối thắng, thì tự mình thành tựu đầy đủ nhân duyên của đạo. 5- Nguyện cho người khác đầy đủ ngữ nghiệp khéo léo có thể diễn thuyết, thì tự

mình thành tựu về mười đức thuộc phương tiện khéo léo. 6- Nguyện cho người khác đạt được ý thiện, mong muốn rửa sạch phiền não cấu trược, thì tự mình thành tựu bảy Giác-ba Không. 7- Nguyện cho những việc làm của người khác đều thành tựu đầy đủ pháp của chư Phật, thì tự mình thành tựu đầy đủ đức thuộc hạnh của Bồ-tát. 8- Nguyện cho người khác rời bỏ các tụ pháp thành tựu Nhất thiết trí, thì tự mình thành tựu mười loại Trí lực của Như Lai. 9- Nguyện cho người khác đều đốn chánh trang nghiêm như Phổ Hiền, thì tự mình thành tựu được mười vị vua cung kính bảo vệ. 10- Nguyện cho người khác đứng đầu quan tâm Đại chúng, tất cả không ngăn ngại, thì tự mình thành tựu đức thuộc về nhiều lợi ích làm nơi nương tựa cứu giúp. 11- Nguyện cho người khác đạt được địa vị bậc nhất, tiến vào pháp bất động, thì tự mình thành tựu đức thuộc về siêu việt thù thắng bậc nhất.

Dùng mười một loại này phối hợp với mười một đoạn tổng quát-riêng biệt trong phần giải đáp trước đây, văn đều có thể biết. Tổng quát-riêng biệt đan xen với nhau, nên làm thành bốn câu phân biệt, đó là tất cả các nguyện thành tựu một đức, tất cả các nguyện thành tựu tất cả các đức... Bởi vì dựa vào Nguyện một-nhiều ngay trong nhau, cho nên thành tựu đức cũng một-nhiều dung thông hòa hợp.

Bốn: So sánh phân rõ làm thành ví dụ, nghĩa là nếu dùng hai sự việc trước-sau đối lập với nhau để phân rõ ví dụ, thì tóm lược có mười ví dụ (Lệ): 1- Ví dụ thông hiểu Sự giống như Lý, như Bồ-tát tại gia là Sự, tánh Không là Lý. 2- Ví dụ ở trong nhiệm mà vượt qua nhiệm, như nếu có được năm Dục là nhiệm, nhờ bỏ mũi tên của Dục là vượt qua nhiệm. 3- Ví dụ tương tự giống nhau, như nếu có những gì bố thí, thì khiến cho tất cả chúng sinh có thể bố thí... 4- Ví dụ thế gian giống với xuất thế gian, như lên cao trên lầu gác, nguyện cho chúng sinh lên cao trên lầu Chánh pháp... 5- Ví dụ lấy nhân giống với quả, như lúc chính thức xuất gia, nguyện giống như sự xuất gia của Phật... 6- Ví dụ rời bỏ Giả trở về Thật, như lúc mang chuỗi ngọc, nguyện đạt đến nơi chân thật... 7- Ví dụ lấy người giống với pháp, như thấy người bệnh, nguyện lìa xa tranh cãi trái ngược... 8- Ví dụ lấy cảnh thành tựu hành, như thấy suối tuôn chảy, nguyện cho thiện căn không có tận cùng... 9- Ví dụ lấy Vọng trở về Chân, như thấy Bà-la-môn, nguyện lìa xa pháp ác... 10- Ví dụ lấy gần giống với xa, như được Hòa thượng dạy bảo, nguyện đạt đến nơi không có nương tựa...

Năm: Chính thức giải thích văn kinh, trường hàng phân làm mười: 1- Có mười một nguyện, trình bày về nguyện lúc còn tại gia. 2- Có

mười lăm nguyện, trình bày về nguyện vào lúc xuất gia thọ giới. 3- Có bảy nguyện, trình bày về nguyện ngay lúc tọa thiền-quán sát. 4- Có sáu nguyện, trình bày về nguyện vào lúc mang hành trang sắp sửa lên đường. 5- Có bảy nguyện, trình bày về nguyện vào lúc rửa mặt-súc miệng. 6- Có năm mươi lăm nguyện, trình bày về nguyện vào lúc đi đường khát thực. 7- Có hai mươi hai nguyện, trình bày về nguyện vào lúc đến thành ấp khát thực. 8- Có năm nguyện, trình bày về nguyện vào lúc trở về tắm rửa. 9- Có mười nguyện, trình bày về nguyện vào lúc học tập-đọc tụng-kinh hành-lễ bái. 10- Có ba nguyện, trình bày về nguyện vào lúc thức-ngủ, nghỉ ngơi.

Nay là phần 1: Tại gia có mười một nguyện: Đầu là một nguyện tổng quát nêu ra tại gia, bởi vì gia đình là nơi va chạm ràng buộc do tham ái, nếu hiểu rõ tánh Không thì tuy chung sống ở gia đình mà gia đình không thể nào bức bách. Tiếp là một nguyện về tại gia thực hành hiếu thảo, bởi vì là nguồn gốc của mọi đức hạnh, cho nên trình bày đầu tiên. Kinh Đại Tập nói: “Thế gian nếu không có Phật thì cố gắng phụng thờ cha mẹ, phụng thờ cha mẹ tức là phụng thờ Phật, bởi vì cha mẹ là người giác ngộ trước tiên cho mình. Nay trở lại khiến cho phụng thờ Phật, là bởi vì sinh ra và nuôi lớn Pháp thân. Bảo vệ phụng dưỡng tất cả, bởi vì tất cả chúng sinh đều là con Ta cho nên bảo vệ, bởi vì tất cả nam nữ đều là cha mẹ Ta cho nên phụng dưỡng, đời đời thọ thân tất cả đều từ đó, cho nên bình đẳng tôn kính, bởi vì đó là Pháp thân Phật.” Tiếp là bốn nguyện về tiếp nhận gia thất... Nhưng năm Dục bắn vào tâm giống như mũi tên trúng đích, Vương hầu có Cung, còn lại đều gọi là Thất. Tiếp là năm nguyện về sự nghiệp đã làm ở gia đình... Ở nơi cổ gọi là Anh, ở nơi thân gọi là Lạc, Lạc dùng để giữ áo, Anh dùng để buộc mũ. Tất cả đều rời bỏ cũng là rời bỏ tâm, hiểu rõ pháp tụ Vô tánh mà thành tựu trí Phật.

Phần 2: Từ “Xả cư gia...” trở xuống là lúc xuất gia thọ giới, có mười lăm nguyện: Đầu là một nguyện chính thức rời bỏ ngôi nhà thế tục. Tiếp là ba nguyện nói về phương tiện xuất gia. Tăng-già-lam, Trung Hoa nói là Chúng Viên. Chúng có sáu pháp hòa hợp là Sự-Lý cùng một vị, cho nên không có tranh chấp. Đại Sư nghĩa là Phật, là bậc thầy của Đại chúng. Tiểu gọi là Hòa thượng, là vị dạy dỗ cho mình. Nếu dựa theo thời gian cuối (Mạt thế), thì Tam Sư là Đại, Thất Chứng là Tiểu. Tất cả đều có bắt đầu, ít hạn định có kết thúc, cho nên mong mỗi không lui sụt. Tiếp là bốn nguyện về lúc chính thức xuống tóc xuất gia. Cà-sa là áo không còn màu sắc chính, cũng nói là nhuộm(Nhiễm) màu

sắc, biểu thị cho pháp quan trọng nhuộm vào tâm, không có gì nhuộm mới nói là nhuộm. Nhưng nhuộm của Nhị thừa cũng không phải là chân thật nhuộm, nhất định phải là tâm nhuộm pháp Đại thừa, cho nên nói là đầy đủ đạo của Đại Tiên, là đối với Chánh pháp diệt trừ kiết sử ấy, mới là cứu cánh tịch diệt. Sau khi xuống tóc-khoác y là chính thức xuất gia. Bảy nguyện còn lại là lúc thọ học giới. Đầu là Tam tự quy, ngày Phật còn tại thế, là một trong năm thọ. Sau khi Phật diệt độ, là thọ năm giới-tám giới, nhất định phải dựa vào Tam quy. Quy y ba pháp quan trọng, là vượt qua tà sư-tà giáo và tà chúng của ngoại đạo kia, giống như thầy thuốc giỏi-thuốc tốt và người khám bệnh, bởi vì chữa lành bệnh phiền não, bởi vì làm duyên niệm cho chúng sinh. Nghĩa về Tam Bảo đến phần sau sẽ giải thích. Thọ học giới, tức là mười giới, cũng bao gồm năm giới. Kinh Ưu Bà Tắc Giới nói: “Muốn thọ giới Bồ-tát, trước nên thọ tất cả năm giới-mười giới-hai trăm năm mươi giới. Nếu là Ni, thì thọ sáu sự và năm trăm giới.” Thọ nghĩa là thọ giới, Học tức là tùy giới. Trong nguyện tức là Chỉ trì và Tác trì. Xà-lê, Trung Hoa nói là Chánh Hạnh, quỹ phạm-giáo thọ cho nên nói là đầy đủ oai nghi. Hòa thượng, Trung Hoa nói là Thân Giáo, cũng nói là Lực Sinh, bởi vì đạo lực từ vị ấy mà phát sinh. Vì vậy phiên dịch nói là Nhập vô sinh trí, dựa vào đó đạt được giới cho nên phiên dịch là Vô y. Nói là Cụ Túc giới, nghĩa hàm chứa hai loại: Một là giới của Đại Tỳ-kheo, hai là giới của Bồ-tát, cũng hạn định về ý địa mới là Cụ Túc.

Phần 3: Từ “Nhược nhập đường...” trở xuống có bảy nguyện, trình bày về nguyện ngay lúc tọa thiền-quán sát: Đầu là bốn nguyện về phương tiện tu tập, tiếp là hai nguyện về chính thức tu tập Chỉ-Quán, sau cùng là một nguyện về việc tu hành hoàn tất.

Phần 4: Từ “Túc hạ trú thời...” trở xuống có sáu nguyện, trình bày về nguyện vào lúc mang hành trang sắp sửa lên đường: Quần (Hạ y) là che kín phần thô lậu cho nên nguyện có được hổ thẹn (Tàm quý), áo (Thượng y) tức là áo lót trong-áo khoác ngoài. Trước đã phân rõ về Cà-sa, ở đây nói thẳng là Tăng-già-lê. Tăng-già-lê, nghĩa nói là hòa hợp, mới thì có hai loại, cũ thì có bốn loại, chủ yếu đem chồng lên mà thành cho nên nói là hòa hợp, tức là y thứ nhất trong ba y.

Phần 5: Từ “Thủ chấp dương chi...” trở xuống có bảy nguyện, trình bày về nguyện vào lúc rửa mặt-súc miệng. Năm lợi ích của hành dương thì gọi là Diệu pháp, trừ bỏ cấu uế là Tịnh. Tây Vực đều nói trong sáng sớm nhai hành dương, tịnh-uế không xen tạp lẫn nhau, đây là phép tắc thông thường, hễ muốn luyện tập đọc tụng phân biệt thì cần

phải sử dụng.

Phần 6: Từ “Thủ chấp tích tượng...” trở xuống là trình bày về nguyện vào lúc đi đường khát thực, toàn bộ có năm mươi lăm nguyện, lại phân làm ba: Đầu là mười hai nguyện nói về đi lại trên đường; tiếp từ “Kiến chúng hội...” trở xuống có mười chín nguyện, nói về cảnh vật-sự việc đã nhìn thấy; sau từ “Kiến nghiêm sức...” trở xuống có hai mươi bốn nguyện, nói về người-vật đã gặp.

Đầu là mười hai nguyện: Tích (tích tượng) là nhẹ nhàng, là sáng tỏ. Cầm cây gậy này thì nhẹ dần về thiền não, mà sáng tỏ về pháp Phật. Lại có nhiều nghĩa đầy đủ như kinh phân rõ. Nay sơ lược trình bày về hai công dụng: 1- Cầm gậy là oai nghi đi lại trên đường; 2- Làm rung động để mà khát thực. Nguyện tương tự phát khởi, đạo không có gì nương tựa là đạo chân thật, hướng về pháp không sót lại gì là Niết-bàn chân thật, pháp giới thanh tịnh chân thật do tâm mà thực hiện. Đường nguy hiểm có hai: 1- Nhiều giặc cướp-ma quỷ-thú dữ; 2- Đường hẹp trở ngại cách tuyệt. Đầu nói đến thiền não-nghiệp-tội lỗi-khổ đau là con đường nguy hiểm của phàm phu, sau nói đến tự mình điều phục đắm vào vắng lặng là con đường nguy hiểm của Nhị thừa, đều là nơi khó khăn. Không đoạn sinh tử mà tiến vào pháp giới đích thực của Niết-bàn.

Tiếp là mười chín nguyện về cảnh vật-sự việc nhìn thấy: Một là nhìn thấy mọi người tụ tập, nghĩa là mọi người tụ tập bàn tán nhiều điều vô nghĩa, mà nguyện thuyết giảng về pháp sâu xa, tâm mọi người thay đổi trái ngược mà khiến cho hòa hợp. Hai là trụ lớn, bản kinh xưa nói là cây lớn, tiếng Phạn nói là Tát-đảm-bà (Thanh khứ nói nhẹ), Trung Hoa nói là Trụ; Tát-đảm-bà (Thanh nhập nói nặng), Trung Hoa nói là Trụ. Do hai vật này âm đọc lạp xen với nhau, xưa nay phiên dịch khác nhau. Trụ có công năng gánh vác vật nặng, một ngôi nhà nhờ đó mà đứng vững, vượt qua điều này nguyện lìa xa tranh cãi về chủ thể của Ngã, căm hờn do đâu mà phát sinh? Ba đức giống như rừng cây rậm rạp cao vút đáng cung kính. Mười một là Bi Trạch (ao đầm), nơi chứa nước gọi là Bi, không tụ tập các dòng chảy mà nguyện cùng một vị. Mười hai là Thuyết Văn, chọc thủng đất nối thông với nước gọi là hồ, Chiếu tức là hồ nước; chọn lấy đây tràn mà dẫn dắt dòng chảy của giáo pháp, cũng có thể khéo léo suy nghĩ xuyên suốt mà có thể có thuyết giảng. Mười ba là Cấp (mức nước), tức là chọn lấy, biện tài thuyết giảng giáo pháp giống như dây gàu mức nước để dùng. Rừng vô ưu là nơi quên hết ưu phiền.

Sau từ “Kiến nghiêm sức...” trở xuống có hai mươi bốn nguyện, nói về người-vật đã gặp: Nguyện sáu nói đạt được Trí căn bản diệt trừ

các khổ, là nếu đạt được Trí căn bản vô phân biệt của Kiến đạo, thì đoạn trừ Vô minh-nghiệp của đường ác; khổ của ba đường ác đã diệt trừ, thì ba khổ-tám khổ cũng đều diệt theo. Tử và Thủ uẩn, thẳng đến Trí căn bản sau Kim Cang, thì có thể vĩnh viễn đoạn trừ. Nguyên bầy là tiến vào Tuệ chân thật vĩnh viễn không có bệnh làm cho buồn phiền, ở đây có hai loại: 1- Dựa theo Tuệ của Kiến đạo tiến vào chân thật, đoạn trừ khổ não của thân bệnh và bệnh của phiền não, nghĩa là các phẩm phiền não của tất cả các nẻo ác, vốn có thô nặng là do phân biệt khởi lên, cũng là nhân xa của thân bệnh, đến trong phần vị Kiến đạo chân thật của Địa Hoan Hỷ, một sát-na đoạn trừ, lập tức chứng được Chân Như thuộc bốn Đế của ba cõi, thân bệnh và phiền não vĩnh viễn không còn phát sinh. 2- Dựa theo Tuệ thuộc tâm Kim Cang lập tức đoạn trừ tất cả các bệnh phiền não và tập khí tùy miên, chứng được Thắng nghĩa chân thật viên mãn đến cùng, các phiền não vĩnh viễn không còn. Dựa vào cách giải thích trên thì Tuệ chân thật tức là Trí căn bản, nhưng dựa theo phiền não-khổ đã diệt trừ thì không giống nhau mà thôi. Nguyên tám là bốn Đại trái ngược nhau mà thành bệnh, nhận biết về Không thì vĩnh viễn không có gì trái ngược. Đối với Phật Bồ-tát có thể nhận biết về ân đức, bởi vì chư Phật Bồ-tát từ lúc mới phát tâm, duyên với tất cả chúng sinh, thực hành những khổ hạnh, làm những việc khó làm, không tiếc gì thân mạng, ứng hiện ở sáu đường tùy theo chúng sinh. Thấy chúng sinh tạo ra nghiệp ác, giống như cắt xẻ thân thể của mình. Đến khi thành tựu Chánh giác thì ẩn kín đức thù thắng ấy, dùng pháp mà người nghèo hèn ưa thích để dạy dỗ thâm nhiếp cứu giúp. Thấy chúng sinh kiêu ngạo phóng túng thì thị hiện dấu tích Niết-bàn, giữ lại những giáo pháp phước đức để cứu giúp tai ách khốn khổ. Vì vậy, từ đầu đến chân, từ sinh đến tử, đều là sự che chở của Phật. Ân đức này sao có thể báo đáp? Nhận được ân nhỏ của người, trong lòng thường mong báo đền to lớn. Người không biết đến ân đức, phần nhiều gặp phải cái chết bất ngờ. Vì vậy kinh nói: “Giả sử đội trên đầu trái qua muôn kiếp, thân làm giường ghế khắp ba ngàn thế giới, nếu không truyền pháp làm lợi ích chúng sinh, thì cuối cùng không có năng lực báo ân.” Vì vậy, chỉ có Tự lợi-Lợi người, đúng như thuyết tu hành, là báo đáp ân đức của Phật mà thôi. Sa-môn, Trung Hoa nói là Chỉ Tức (Chấm dứt), chấm dứt hoàn toàn chỉ riêng Đại Niết-bàn. Giáp trụ của thế gian thuận theo quân xoay vòng, giáp trụ của Tinh tiến-Nhẫn nhục hưởng về Vô Sư. Có thể lia xa năm Tà mới là Chánh mạng, năm Tà: 1- Lừa dối hiện bày lạ lùng; 2- Tự nói công đức của mình; 3- Bói tướng lành dữ; 4- Lớn tiếng hiện bày uy

quyền khiến cho người khác kính sợ; 5- Vì người khác mà thuyết pháp. Thực hành năm điều này, nếu vì lợi dưỡng thì đều là Tà mạng. Câu thứ ba gồm chung nguyện xa lìa năm Tà, câu thứ tư chỉ lìa xa một Tà thứ nhất. Quyết đoán sáng suốt mới gọi là Trưởng giả. Giữ gìn chánh pháp của vua mới gọi là Đại thần.

Phần 7: Từ “Nhược kiến thành quách...” trở xuống có hai mươi hai nguyện, nói về nguyện vào lúc đi đến thành ấp khát thực: Đầu là ba nguyện tổng quát về nơi chốn, Vương đô là nơi tụ hội của những người có tài đức, rừng rậm là nơi quy về của mọi đức. Tiếp là ba nguyện nói về lúc vào nhà-chưa vào nhà, là sai biệt về các nhà, vào rồi chỉ là một chứ không có nhiều, như tiến vào Phật thừa thì không có Nhị thừa-Tam thừa. Tiếp là tám nguyện nói về lúc khát thực có được-không được. Tiếp là bảy nguyện nói về lúc có được thức ăn, chính thức thọ thực. Sau cuối là một nguyện nói về thọ thực xong thuyết pháp, cũng bởi vì đáp trả ân tình của thí chủ. Trong đó nói: Cát giữ bảo vệ các căn. Luận Du Già nói: “Khéo léo giữ gìn căn môn.” Kinh Tịnh Danh nói: “Sắc đã nhìn thấy cùng với mù như nhau.” Cho đến nói: “Nhận biết về tướng của các pháp như huyễn ảo.”

Phần 8: Từ “Tùng xá xuất...” trở xuống có năm nguyện, trình bày về nguyện vào lúc trở về tắm rửa trong thời tiết nóng bức-mát mẻ, có thể biết.

Phần 9: Từ “Phúng tụng...” trở xuống có mười nguyện, trình bày về nguyện vào lúc học tập-đọc tụng-kinh hành-lễ bái: Bên phải là bởi vì thuận theo nghĩa, kinh Phổ Diệu quyển thứ 2 cũng nói: “Bồ-tát giảng thần từ hông bên phải.” Bởi vì những công hạnh không có gì trái ngược. Công đức của Phật, nghĩa là Thập Lực... của Như Lai.

Phần 10: Từ “Nhược tẩy túc...” trở xuống có ba nguyện, trình bày về nguyện vào lúc thức-ngủ, nghỉ ngơi: Tất cả trí giác, không những ba đời đều sáng tỏ, mà cũng là thấu hiểu cả mười phương, một ngày từ đầu đến cuối đã như vậy, thời gian còn lại tương tự như vậy.

Phần c: Từ “Phật tử, nhược chư Bồ-tát...” trở xuống là kết luận ca ngợi do nhân ấy mà thành tựu lợi ích, nếu có thể như trên là tâm khéo léo vận dụng. Nếu vận dụng tâm này thì đức bên trong đều tròn vẹn, cho nên bên ngoài không thể nào lay động; bởi vì tâm đạo trong Đại Trí, cho nên trời-người không thể nào lay động; bởi vì tâm thâm nhiếp Đại Bi, cho nên Nhị thừa không thể nào lay động. Không lay động có hai: Một là lúc tu hành, những điều này không thể nào làm cho mê hoặc tán loạn; Hai là không mong mỏi những điều ấy.